

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84a/2023/HS-ST

Ngày 22-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Đ

2. Ông Đào Văn K

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị V – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H: Bà Chu Thị Dương -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H, xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2023/HSST ngày 30 tháng 8 năm
2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXX-HS ngày 08 tháng 9 năm
2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Khương D, sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố N, phường LS, thành phố S, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;
tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị
B; vợ: Nguyễn Thị Thu H; có 02 con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010; tiền
án, tiền sự: Chưa có. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi
khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Công ty TNHH HT

Địa chỉ: Xã AL, huyện N, tỉnh D.

Đại diện bị hại: Bà Lương Thị Thanh T, sinh năm 1974 – Phó Giám đốc
Công ty TNHH HT.

Địa chỉ: Số nhà X, phố CN, phường QT, thành phố D, tỉnh D.

Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Bùi Quốc P, sinh năm 1980, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ XX, phường TT, thành phố N, tỉnh N.

Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1979, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố DH, phường MĐ, thị xã M, tỉnh H.

Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1968, có mặt.

Địa chỉ: thôn TC, xã VH, huyện V, tỉnh H.

Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 2003, vắng mặt.

Địa chỉ: thôn TG, xã BS, huyện A, tỉnh H.

Anh Đỗ Như N, sinh năm 1995, có mặt.

Địa chỉ: thôn DD, xã DD, huyện V, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Khương D ở tổ dân phố N, phường LS, thành phố S, tỉnh N là lái xe ô tô cho Doanh nghiệp vận tải KL có địa chỉ tại phường TT, thành phố N, tỉnh N. Khoảng 18 giờ ngày 06/04/2023, anh Nguyễn Quốc P ở tổ XX, phường TT, thành phố N gọi điện thoại cho D và bảo D “sáng ngày 07/4/2023 xuống Công ty TNHH HT có địa chỉ tại xã AL, huyện N, tỉnh D để bốc hàng (sắt phế liệu)” thì D đồng ý. Sau đó anh P gửi cho D số điện thoại của chị Đỗ Thị H ở tổ dân phố DH, phường MĐ, thị xã M, tỉnh H để D liên lạc trao đổi về địa điểm nhận hàng phế liệu. Đến khoảng 05 giờ ngày 07/4/2023, D điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 20H – 000.54 kéo theo Sơ mi rơ móc biển số 20R – 010.81 đi từ nhà đến Công ty TNHH HT. Sau đó D điều khiển xe vào Trạm cân TL để cân tải trọng của xe thì tổng số tải trọng xe là 18,6 tấn. Sau khi cân xe xong, D điều khiển xe vào bên trong Công ty HT để nhận hàng. Các công nhân của Công ty TNHH HT điều khiển cầu và đưa các bao phế liệu lên thùng móc xe của D, D đứng trên thùng xe và xếp hàng. Khi cho các bao phế liệu lên xe thì công nhân đều cân lại và ghi lại đầy đủ các mã cân, tổng số hàng rồi đưa lên xe là 65 bao phế liệu có tổng trọng lượng là 60.586kg. Sau đó D điều khiển xe sang Trạm cân TL để cân hàng phế liệu trên móc. Nhưng do trạm cân bị lỗi kỹ thuật nên số hàng trên xe là 56.620kg. Sau đó D điều khiển xe đi ra hướng Quốc lộ 5A chiều đường Hải Phòng đi Hà Nội. Khi D đi đến địa phận thị xã M, tỉnh H thì phía Công ty HT gọi điện cho D nói: “số hàng ở trên xe đang thừa mấy tấn hàng so với bàn cân điện tử ở Trạm cân Thăng Long”, đồng thời yêu cầu D dừng xe để phía Công ty lên kiểm tra và cân lại hàng trên xe. D liền nảy sinh ý định trộm cắp số hàng sắt phế liệu của Công ty để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân nên D tiếp tục điều khiển xe ô tô chở hàng đi đến khu vực gần ngã tư thôn N Quỳnh, thị trấn Như Quỳnh, huyện V. Lúc này D nhìn thấy trước cửa “Gara ô tô Xuân Hiên” có chiếc ô tô (loại xe cầu cứu hộ), biển số 89C – 205.05 đang đỗ ở ven đường. D liền điều khiển xe ô tô dừng trước vị trí xe cầu đang đỗ rồi xuống xe đi vào Gara ô tô Xuân Hiên gặp anh Nguyễn Văn Q ở thôn TG, xã BS, huyện A, tỉnh H (là nhân viên phụ chạy xe cứu hộ của Gara) và bảo Q: “mày cầu cho anh mấy cái lò này xuống và mang chỗ sắt này đi bán cho anh tý anh quay lại”. Anh Q không biết tài sản do D phạm tội mà có nên đã đồng ý cầu xuống cho D 4 bao sắt phế liệu có tổng trọng lượng là 3.500kg, sau đó anh Q điều khiển xe cầu loại nhỏ biển số 89C – 159.59 mang 04 bao sắt phế liệu trên đến khu bãi phế liệu của gia đình ông Đỗ Trọng Thực ở thôn Đình Dù, xã Đình Dù, huyện V bán. Khi đến nơi, anh Q gặp

anh Đỗ Như N (là con trai của ông C) và bán 4 bao sắt phế liệu trên. Anh N cũng không biết tài sản trên do D trộm cắp nên đã đồng ý mua và đưa cho anh Q số tiền 31.500.000 đồng. Anh Q cầm số tiền trên rồi điều khiển xe đi về Gara và đưa số tiền trên cho bà Nguyễn Thị K ở thôn TC, xã VH, huyện V (là chủ Gara ô tô Xuân Hiền), đồng thời nói với bà K: “con gửi bác tiền tỷ anh lái xe anh qua lấy”, đồng thời anh Q gọi điện thoại cho D và nói: “Em đã bán hộ được mấy bao sắt rồi nhưng em không có nhà anh cứ qua gặp bà chủ để lấy nhé”. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, D điều khiển xe ô tô quay lại Gara ô tô XH gặp bà K và lấy số tiền bán sắt là 31.500.000 đồng. D đưa lại cho bà K 4.000.000 đồng (trong đó có 2.000.000 đồng là tiền thuê xe cẩu và 2.000.000 đồng D cho riêng Q). Sau đó, D điều khiển xe đi về tỉnh Thái Nguyên để giao hàng. Đến ngày 08/4/2023, đại diện Công ty TNHH HT là chị Lương Thị Thanh T đến Công ty PN có địa chỉ tại thành phố S, tỉnh N để kiểm tra số đầu bao phế liệu thì phát hiện bị mất 4 bao phế liệu nên đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan CSĐT-Công an huyện V. Sau khi sự việc xảy ra, ngày 09/04/2023 D đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 27.500.000 đồng. Anh N cũng tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 3500kg sắt phế liệu. Anh Q cũng tự nguyện giao nộp lại số tiền 4.000.000 đồng nhận của D. Ngày 10/4/2023, bà K tự giao nộp 01 đĩa DVD-R lưu trữ đoạn video ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ án trên.

Ngày 11/04/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V ra Yêu cầu định giá tài sản số 185 đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện V tiến hành định giá đối với 3.500kg sắt phế liệu (đã thu giữ được vật chứng). Ngày 23/05/2023, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện V ban hành Kết luận định giá tài sản số 22, kết luận: 3500kg sắt phế liệu, tại thời điểm ngày 07/04/2023 có giá trị là 7.500đ/1kg, trị giá là 26.250.000 đồng. Ngày 28/5/2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H tiến hành giám định đối với 01 đĩa DVD-R lưu trữ đoạn video do bà K giao nộp, kết luận: không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong file video gửi giám định.

Quá trình điều tra xác định: Giá mua số sắt mà bị cáo chiếm đoạt lớn hơn giá do Hội đồng định giá tài sản định giá. Cơ quan điều tra đã làm việc với Hội đồng định giá tài sản huyện V, kết quả Hội đồng định giá xác định việc định giá là khách quan dựa trên mức giá chung được các cơ sở thu mua phế liệu ở địa phương đưa ra, Hội đồng định giá giữ nguyên mức giá sắt phế liệu là 7.500đ/1kg. Anh N xác định: việc anh N thu mua sắt phế liệu giá 9.000đ/1kg là do anh N có đầu mối thu mua giá cao hơn nên anh N đã mua với mức giá như trên. Ngày 12/6/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho công ty TNHH HT 3.500kg sắt phế liệu. Đại diện công ty là chị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với anh Nguyễn Văn Q, anh Đỗ Như N, bà Nguyễn Thị K đều không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo D nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý. Ngày 12/6/2023, Cơ quan điều tra cũng trả lại anh N số tiền 31.500.000 đồng. Anh N đã nhận lại số tiền trên và tự nguyện không có yêu cầu bồi thường gì. Đối với 01 đĩa DVD-R lưu trữ đoạn video do bà Nguyễn Thị K giao nộp, Cơ quan điều tra sử dụng làm tài liệu lưu cùng hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, Nguyễn Khương D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Bản cáo trạng số 84/CT-VKS, ngày 30/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H, truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa; Bị cáo thành khẩn khai báo như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Khương D phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Khương D từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường LS, thành phố S, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản đại diện bị hại, anh N, bà K, anh Q không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

(Tích thu lưu trữ theo hồ sơ 01 đĩa DVD-R do bà Nguyễn Thị K giao nộp).

Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng;* việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bản cáo trạng, quyết định đưa vụ án ra xét xử được tổng đạt cho bị cáo đúng pháp luật; việc lấy lời khai những người tham gia tố tụng, hỏi cung bị can đều đảm bảo. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Hội đồng xét xử xác định việc điều tra, truy tố, xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt họ. Xét thấy những người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng họ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, nên HĐXX căn cứ khoản 1 điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung:* Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ, tại cơ quan điều tra. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 07/4/2023 tại thôn NQ, thị trấn NQ, huyện V, tỉnh H, Nguyễn Khương D đã thực hiện hành vi lén lút bí mật chiếm đoạt 04 bao sắt phế liệu có tổng trọng lượng 3.500kg, trị giá 26.250.000 đồng của Công ty TNHH HT mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ, ngoài ra còn xâm phạm trật tự công cộng, an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi và hậu quả do hành vi của mình gây ra, song do tham lam tư lợi bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử có mức hình phạt thỏa đáng thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và nhằm mục đích giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời đấu tranh, tuyên truyền, giáo dục, phòng chống tội phạm nói chung là cần thiết.

[3] *Về nhân thân và tiền án, tiền sự của bị cáo:* Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] *Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đã khắc phục hậu quả do mình gây ra, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử có căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] *Về hình phạt:*

Khi lượng hình, Tòa án xét đến nhất thân, tính chất và mức độ thực hiện hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để từ đó có hình phạt tương xứng. Cụ thể: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, phạm tội do nhất thời nên xem xét cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Do vậy, xử cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo có cơ hội cải tạo ngoài xã hội trở thành công dân tốt.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên xét tình chất hành vi phạm tội của bị cáo nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Đỗ Như N đã nhận lại số tiền và không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn Q, anh Đỗ Như N, bà Nguyễn Thị K không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cơ quan điều tra không xử lý, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra thu giữ 01 đĩa DVD-R do bà Nguyễn Thị K giao nộp, bà K không đề nghị được nhận lại nên lưu theo hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều b, i, s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Khương D phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Khương D 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Khương D cho UBND phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD-R bên trong có ghi lại hình ảnh vụ án.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Khương D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA, TAND tỉnh H.
- VKSND tỉnh H.
- CA huyện V.
- VKS huyện V.
- Chi cục THADS huyện V.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Bích T